

Bài 34: 本文

あなたの国では? *Nước của bạn thế nào?*

挨拶 あいさつ
下げます さげます
握手 あくしゅ
人差し指 ひとさしゆび
鼻 はな
指します さします
ジェスチャー gesture
振ります ふります
手のひら てのひら
じっと
笑う わらう
失礼な しつれいな
隠します かくします

chào hỏi
hạ xuống, giảm xuống
bắt tay
ngón trỏ
mũi
chỉ
điều bộ, cử chỉ, động tác
vẫy, khua, vung
gan bàn tay, lòng bàn tay
(nhìn) chăm chăm (đứng) im...
cười
thất lễ
bao bọc, che, giấu

Bài 34: 本文

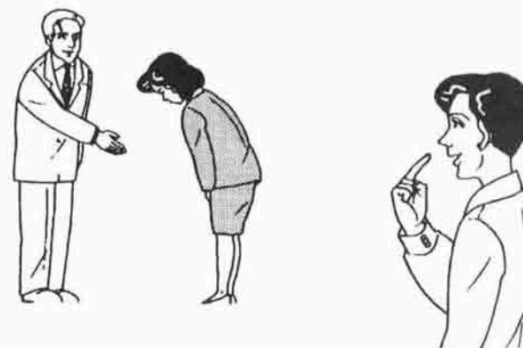
あなたの国では? *Nước của bạn thế nào?*

日本ではあいさつするとき、頭を下げます。
にほん あたま さ

握手をしたり体に触ったりするあいさつは
あくしゅ からだ さわ

ありません。また、日本人は「わたし」
にほんじん

というとき、人差し指で自分の鼻を指します。
ひとさし ゆび じぶん はな さ



Ở Nhật Bản sẽ cúi đầu khi chào hỏi, nhưng không có bắt tay hay chạm vào người. Mặt khác, khi người Nhật nói “watashi – tôi” thì sẽ dùng ngón tay trỏ chỉ vào mũi của mình.



手てを使うつかジェスチャーはいろいろあります。人の前ひとまへや
間あいだを歩あるくとき、手てを立たてて上あげたり下さげたりします。
これは「ちょっとすみません」という意味いみです。

Người Nhật có nhiều cử chỉ dùng tay, như khi đi ngang trước mặt hay xen giữa người khác, tay dơ lên, hạ xuống, và điều này có nghĩa là “xin lỗi ạ/ tôi xin phép ạ”.



また、手を顔の前で横に何回も振ります。これは
「さようなら」のジェスチャーではありません。

「わかりません」「できません」などの意味です。

人を呼ぶとき、日本人は手のひらを下に向けて振ります。

Ngoài ra, khi vẫy tay nhiều lần ngang trước mặt thì đó là cử chỉ thể hiện “tạm biệt”, hay “tôi không hiểu”, “không làm được” ... Khi gọi ai đó, người Nhật vẫy tay và hướng lòng tay xuống phía dưới.

また、日本人は口の前に人差し指を立てて
にほんじん くち まえ ひとさ ゆび た
「シーッ」と言います。これは「話すな！」
い はな
という意味です。みんなの前で話すときは、
い み まえ はな
ポケットに手を入れて話してはいけません。
て い はな
また、日本人は相手の目をあまり見ないで
にほんじん あいて め み
話します。じっと見ると失礼なのです。
はな み しつれい



Mặt khác, người Nhật còn đưa ngón tay trỏ đặt trước miệng và nói “suyt suyt”. Khi nói chuyện trước mọi người, không được cho tay vào túi quần. Và người Nhật khi nói chuyện thì không nhìn quá nhiều vào mắt người đối diện. Nếu nhìn chăm chăm sẽ là mất lịch sự.

このほかに笑うとき、手で口を隠す女の人
わら て くち かく おんな ひと
がいます。昔、女の人にはほかの人に歯を
むかし おんな ひと ひと は
見せてはいけませんでした。それで今も
み いま
その習慣のとおりに行っているのです。
しゅうかん



Ngoài ra còn có những người con gái lấy tay che miệng khi cười. Phụ nữ xưa không được cho người khác nhìn thấy răng của mình. Do vậy, thói quen che miệng hiện nay được duy trì từ phong tục đó.

日本では小さい子どもに「いい子だね。」
にほん ちい こ

と言うとき、頭に触ります。しかし、タイなどの
い あたま さわ

東南アジアの国では頭に触ってはいけません。
とうなん くに あたま さわ

旅行のガイドブックにはタイへ行ったら、
りょこう い

人の頭に触るなど書いてあります。
ひと あたま さわ か

世界にはいろいろなジェスチャーがあります。
せかい



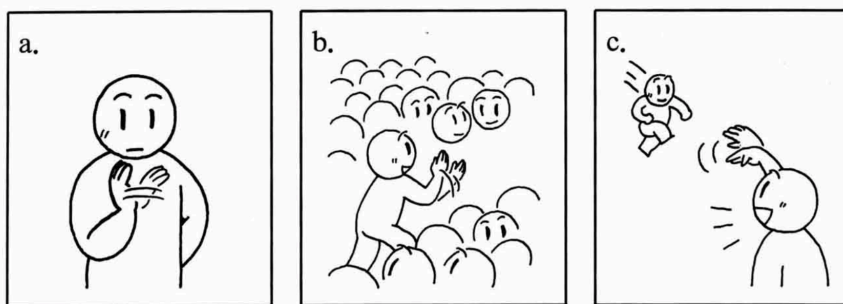
Ở Nhật hay xoa vào đầu đứa trẻ khi nói với chúng là “cháu ngoan thật đấy!”. Tuy nhiên ở các nước Đông Nam Á như Thái Lan thì điều này là không được. Trong cuốn hướng dẫn du lịch có viết, nếu đến Thái thì không được xoa vào đầu người khác. Trên thế giới có rất nhiều các cử chỉ khác nhau.

I 1)~3) のとき、日本人はどんなジェスチャーをしますか。

a~c から選んでください。

- 1) () パーティーで、知っている人を見つけました。たくさんの人の間を歩いて行かなければなりません。
- 2) () 公園で男の子が遊んでいます。友達に「こっちへ来て！」と言いました。
- 3) () 町で外国人が日本人に道を聞きました。その日本人は「英語、わからない！」と言いました。

Luyện tập



II あなたの国のジェスチャーを紹介してください。

回答

I 1) b 2) c 3) a